

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **163/2020/HS-PT**

Ngày: 03-12-2020

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuận

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 122/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn D và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2020/HS-ST ngày 01/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Văn D, sinh năm: 1989 tại huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKTT: Ấp VT, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Tổ 5, ấp GD, xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn D và bà Phạm Thị H; Vợ: Triệu Ngọc Tn; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2013 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Đức T, sinh năm: 1991 tại Đắc Lắc; Nơi ĐKTT: Thôn Quỳnh Tân 1, thị trấn BT, huyện Krông AN, tỉnh Đắc Lắc; chỗ ở: Số 2A đường MM, khu phố 5, thị trấn DĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức C và bà Đỗ Thị S; Vợ: Lê Thị Mỹ P; Con: 02 người, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh ngày 13/11/2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo T:

Luật sư Võ Thị Thu Trinh - Văn phòng luật sư Phạm Văn Cần thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình Bùi Văn D làm việc tại công trình khách sạn Pullman tại ấp ĐB, xã DT, huyện PQ, D thấy Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư thương mại Phan Lê, do ông Lê Văn Ph làm Tổng giám đốc đang lắp đặt thiết bị mạng tại đây. D liên lạc với Nguyễn Đức T qua Zalo và hỏi T cần những thứ gì trong tủ mạng để D lấy về bán lại cho T. Nghe vậy nên T trả lời cho D là muốn mua thiết bị Switch và thanh nguồn (Switch là thiết bị chuyển mạch hoặc chuyển dữ liệu mạng). Từ ngày 08 đến 15/12/2019, D 02 lần lấy trộm thiết bị Switch của công ty Phan Lê đem về bán cho T cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 07/12/2019, D chụp hình lại tủ mạng của Công ty Phan Lê đang lắp đặt tại đây rồi gửi cho T qua mạng xã hội Zalo và hỏi T trong tủ mạng anh cần loại nào. Sau khi xem xong T thấy thiết bị Switch nên kêu D ôm hết về cho T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, D mang theo 01 tua vít đi đến khu C và khu D của khách sạn tháo ốc vít 02 thiết bị Switch loại 48 cổng và để tại đó. Đến ngày 08/12/2019, D đến lấy 02 thiết bị Switch đã tháo sẵn mang về nhà D tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu cất giấu. Khoảng 21 giờ ngày 09/12/2019, D mang 02 thiết bị Switch loại 48 cổng đến nhà T tại khu phố 5, thị trấn Dương Đông bán cho T với giá 5.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 18 giờ ngày 15/12/2019, do đã hứa hẹn trước đó giữa T và D, D tiếp tục đến khu C của khách sạn Pullnam lấy trộm 01 thiết bị Switch loại 24 cổng của công ty Phan Lê. Sau khi lấy trộm xong, D đưa ra chợ Đường Bào, xã Dương Tơ bán lại cho T với giá 800.000 đồng. Đến ngày 18/3/2020, anh Nguyễn Thành Đ là kỹ sư cơ điện của công ty, phát hiện Nguyễn Đức T đang cất giữ 03 thiết bị Switch của công ty bị mất trộm nên đã trình báo

Công an. Ngày 26/3/2020, Bùi Văn D và Nguyễn Đức T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Phú Quốc khởi tố để điều tra.

* Tang vật thu giữ: 02 thiết bị chuyển mạch Switch, hiệu Ruckus ICX 7150-48P (loại 48 cổng); 01 thiết bị chuyển mạch Switch, hiệu Ruckus ICX 7450-48P (loại 24 cổng). Tất cả tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 16/BB-HĐĐGTS, ngày 31/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Quốc kết luận:

- 02 thiết bị chuyển mạch Switch, hiệu Ruckus ICX 7150-48P (loại 48 cổng). Trị giá còn lại: 63.977.104 đồng.

- 01 thiết bị chuyển mạch Switch, hiệu Ruckus ICX 7450-48P (loại 24 cổng). Trị giá còn lại 79.205.608 đồng.

Tổng giá trị qua định giá là: 143.182.712 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số: 90/2020/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s, b khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 07/9/2020, bị cáo Bùi Văn D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo có bồi thường cho bị hại nhưng do không biết nên chưa nộp giấy bãi nại cho Tòa án, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ngày 10/9/2020, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tội D của bị cáo là phù hợp. Về hình phạt, xử phạt bị cáo Bùi Văn D mức án 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Đức T 01 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Bùi Văn D có nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.800.000 đồng và bồi thường thêm 2.000.000 đồng cho bị hại. Bị cáo Nguyễn Đức T có cung cấp thêm tình tiết cha bị cáo trước đây có tham gia cách mạng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế, hoàn cảnh gia đình bị cáo là lao động chính duy nhất nuôi vợ và 02 con nhỏ (con thứ 02 chưa đầy tháng). Xét cả 02 bị cáo đều có tình tiết mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Đức T; sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Văn D còn từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Đức T còn từ 06 đến 09 tháng tù.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất về tội D và điều luật áp dụng đối với bị cáo T. Đề nghị HĐXX xem xét thêm bị cáo T không trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản, chỉ do có hứa hẹn trước mua các tài sản của D trộm được, bị cáo không được hưởng lợi gì, các tài sản mua cất giữ đã giao nộp trả lại cho chủ sở hữu, không gây ra thiệt hại gì, bị cáo có cha có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình bị cáo có vợ và 02 con nhỏ, 01 bé 01 tuổi và bé mới sinh chưa đầy tháng đều sống phụ thuộc vào bị cáo nếu bị cáo đi chấp hành án tù gia đình bị cáo sẽ rơi hoàn cảnh hết sức khó khăn, bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị hại xin bãi nại cho bị cáo, từ trước đến nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật nên đề nghị cho bị cáo được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ, tạo cơ hội cho bị cáo được giáo dục tại địa phương để có điều kiện chăm lo cho vợ con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và nói lời nói sau cùng, bị cáo T xin được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo D cũng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Từ ngày 08 đến 15/12/2019, bị cáo Bùi Văn D đã 02 lần lén lút lấy trộm thiết bị Switch của công ty Phan Lê đem về bán lại cho bị cáo Nguyễn Đức T với giá là 5.800.000 đồng. Bị cáo T đã được D chụp hình gửi cho xem và biết trước các tài sản do D trộm cắp. Tổng giá trị thiết bị Switch và thiết bị nguồn qua định giá là: 143.182.712 đồng. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đã xử phạt bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn D xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Đức T xin được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công ty Phan Lê, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3.1] Xét bị cáo D là người có vai trò chính trong vụ án, 02 lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên cấp sơ thẩm xử phạt D 02 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm là bồi thường thêm 2.000.000 đồng cho bị hại, tài sản đã trả lại cho bị hại để lắp đặt lại sử dụng, không gây thiệt hại gì lớn nên bị hại xin bãi nại cho các bị cáo, bị cáo đã nộp lại 5.800.000 đồng thu lợi bất chính, từ đó HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T đã biết và hứa hẹn trước mua lại các tài sản mà D trộm được cho nên bị xét xử với vai trò đồng phạm với bị cáo D và bị xử phạt 01 năm tù cũng là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo T có cung cấp thêm tình tiết mới là cha bị cáo là người có công cách mạng, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây. Về hành vi, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và chưa gây thiệt hại gì, đã chủ động trả lại tài sản mua được và bồi thường 10.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm, được bị hại xin bãi nại, hoàn cảnh gia đình bị cáo là lao động duy nhất nuôi vợ và 02 con nhỏ, vợ bị cáo mới sinh con thứ hai được 23 ngày, bị cáo buôn bán, kinh doanh tại nhà và có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà có thể chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn để bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương theo quy định tại Điều 36 BLHS cũng là phù hợp. Về điều kiện kinh tế bị cáo khó khăn, phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng nhiều người nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ. Quan điểm không áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn cho bị cáo T là có phần nghiêm khắc, nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo T, đề nghị không áp dụng hình phạt tù mà chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo T là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, đ khoản 1 Điều 357 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn D và bị cáo Nguyễn Đức T; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người bị kết án nhận Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đức T theo quy định.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 90/2020/HSST ngày 01/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang không có kháng

cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện Phú Quốc (1);
- THA huyện Phú Quốc (1);
- VKSND huyện Phú Quốc (1);
- CQCSĐT huyện Phú Quốc (1);
- Bị cáo kháng cáo (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Luật sư (1);
- Lưu Tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền